CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thép Nam Kim

Ngày 31/12/2025	14,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.9%	**-**	**6.5%**

DT thuần
Q4/25
3,136
tỷ VNĐ
QoQ: ▼637| -16.9%
YoY: ▼1,333| -29.8%

LN thuần
Q4/25
-27.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.5| -146%
YoY: ▼42.9| -275%

LN sau thuế
Q4/25
-9.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼58.8| -119%
YoY: ▼27.7| -151%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.1%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE
2025
2.9%
YoY: +/-▼ 5.1%

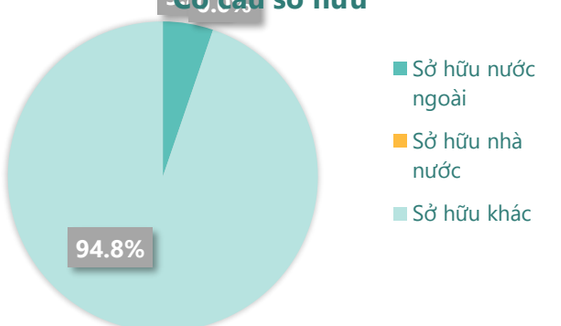
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,300 - 19,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,646
Số lượng CPLH (CP)	447,570,881
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,590,995
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.85
EPS	441
P/E	33.7

DT thuần
2025
14,808
tỷ VNĐ
YoY: ▼5,801| -28.1%

LN thuần
2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▼430| -77.3%

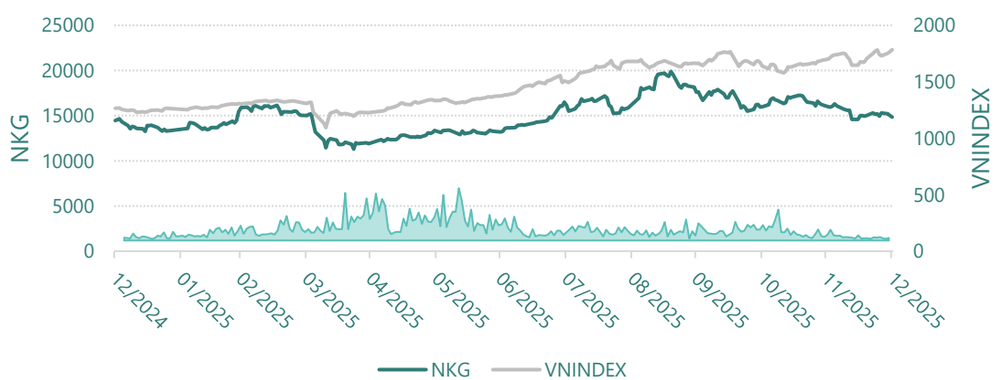
LN sau thuế
2025
197
tỷ VNĐ
YoY: ▼256| -56.5%

Cơ cấu sở hữu

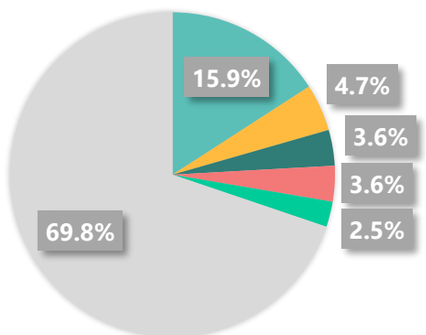


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

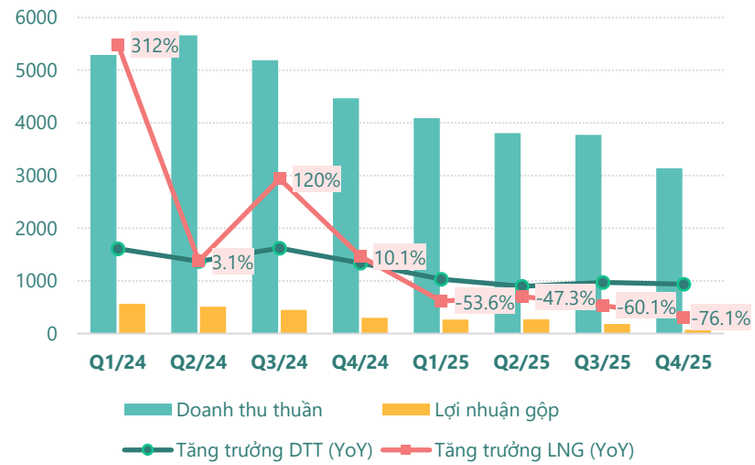


- Hồ Minh Quang (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư Thương mại SMC
- Võ Hoàng Vũ (Tổng giám đốc)
- Unicoh Specialty Chemicals Co.,Ltd
- Nguyễn Thị Nhân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

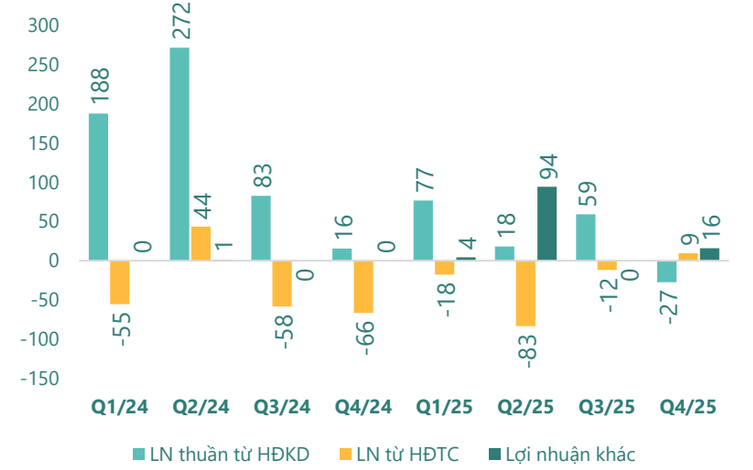
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



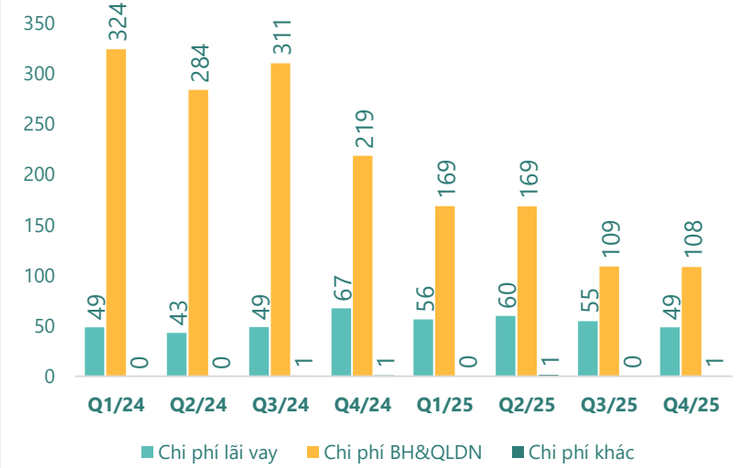
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



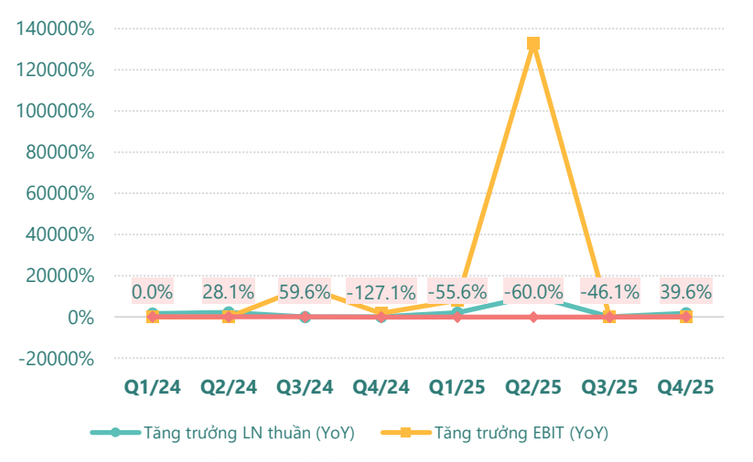
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



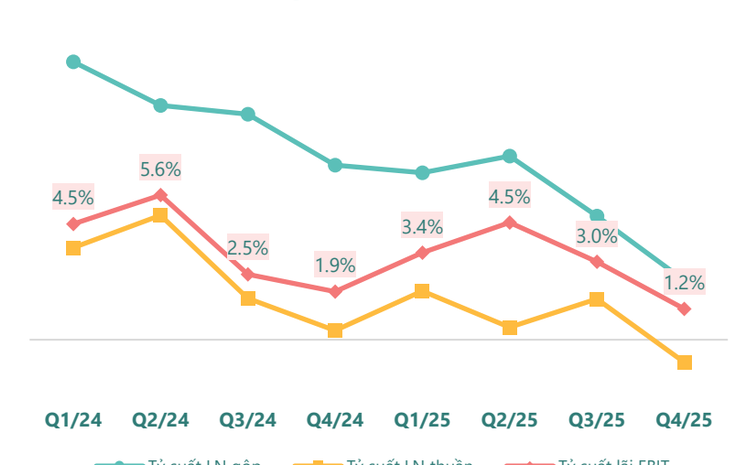
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



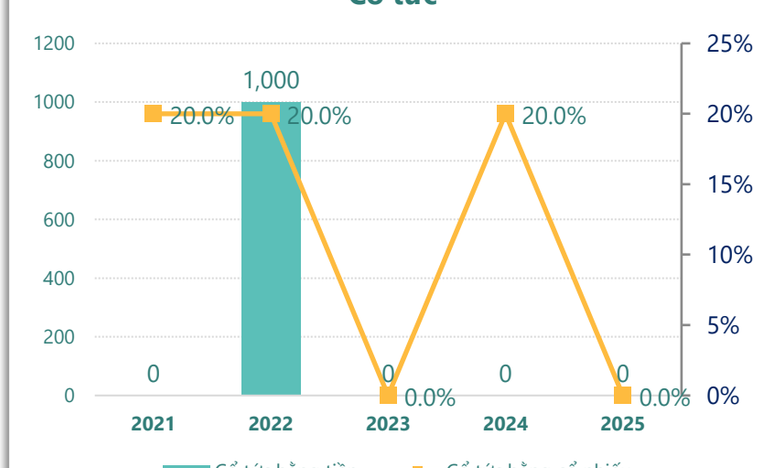
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

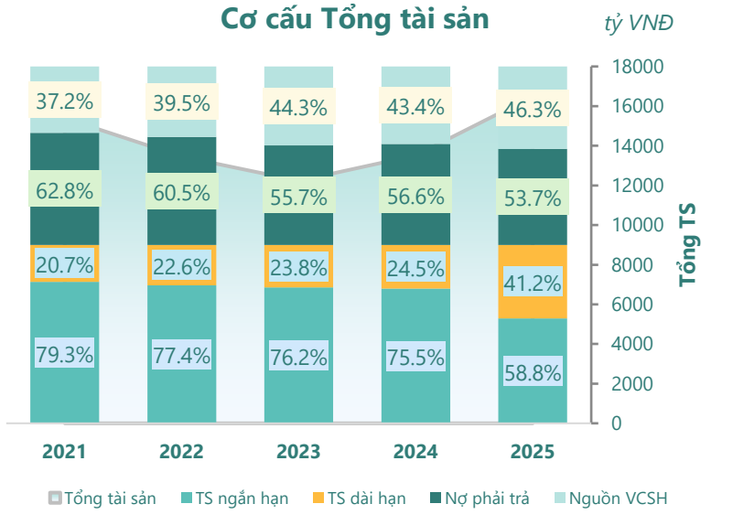
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

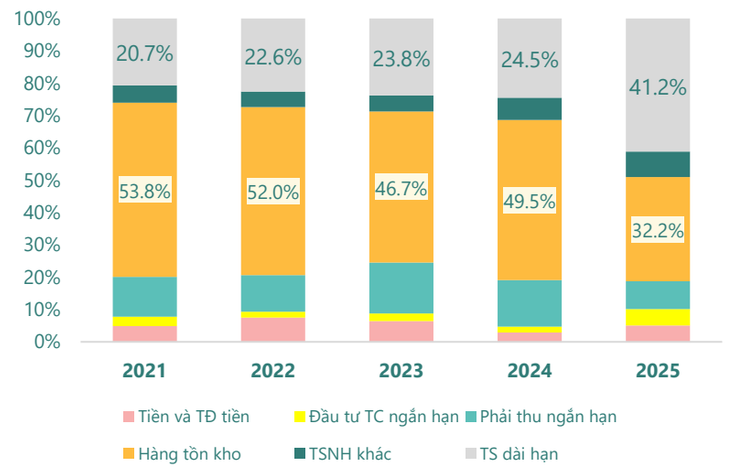
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



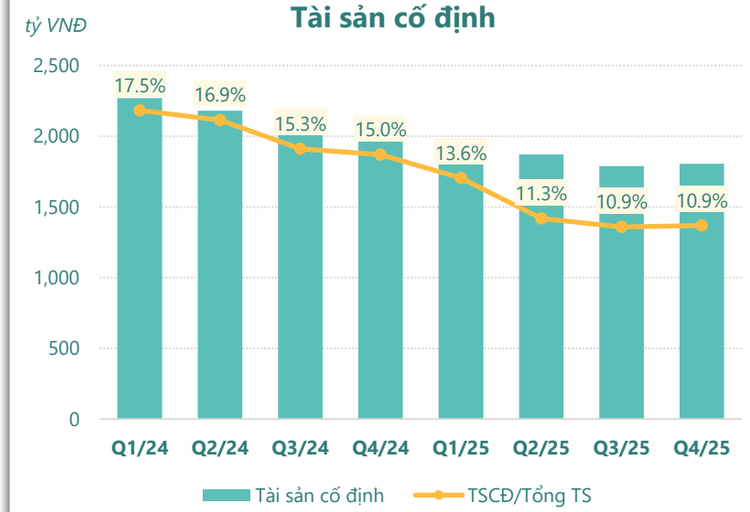
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



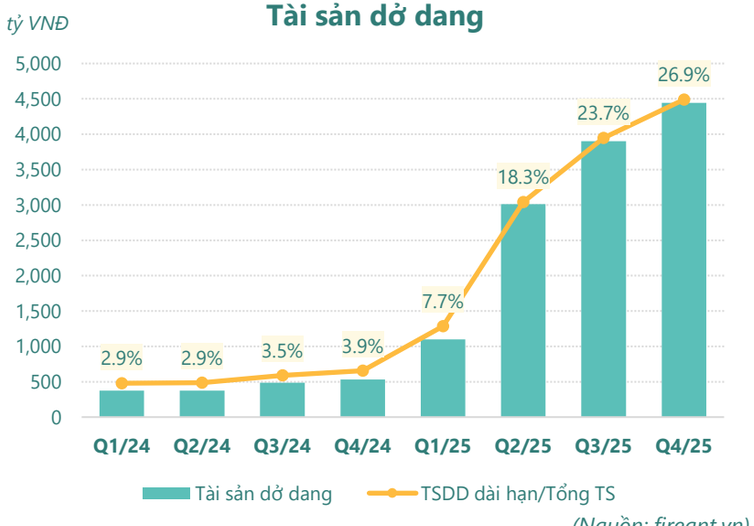
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



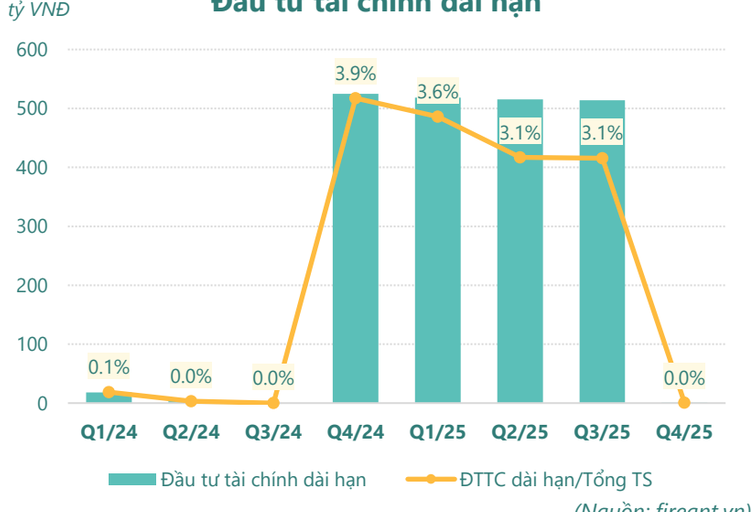
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



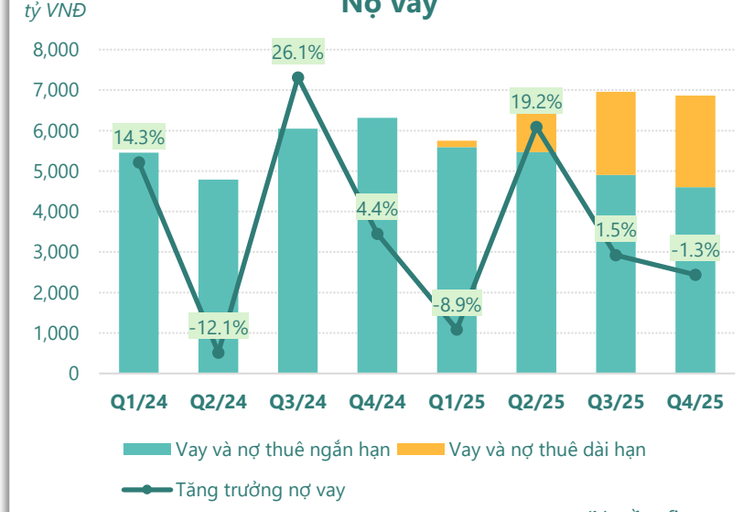
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

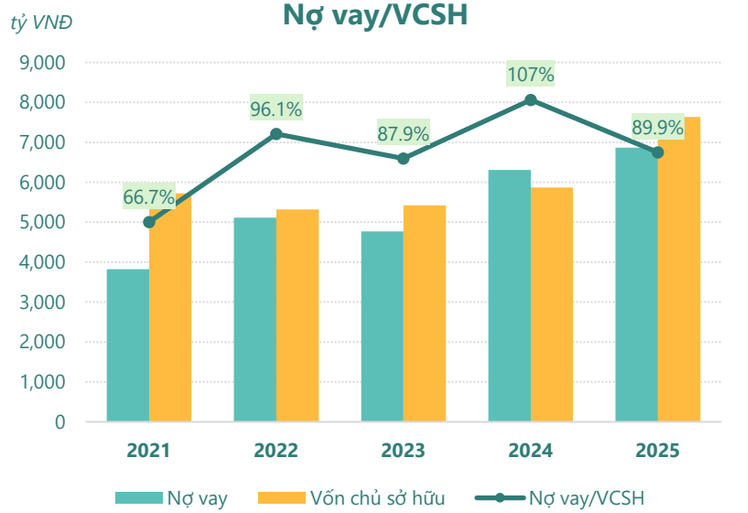
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

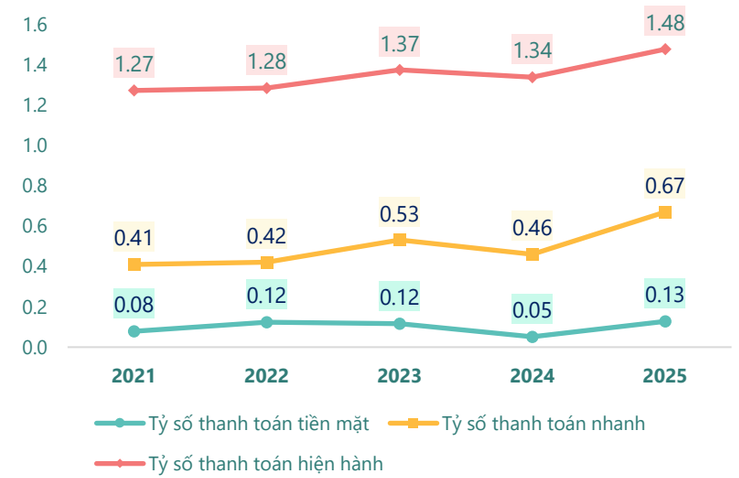
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



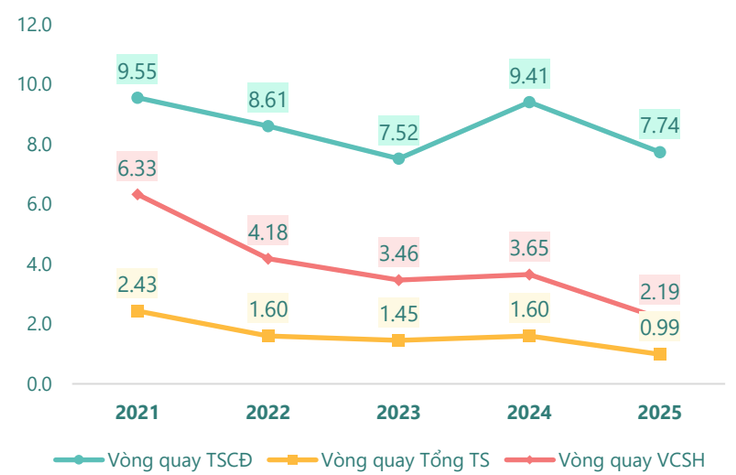
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



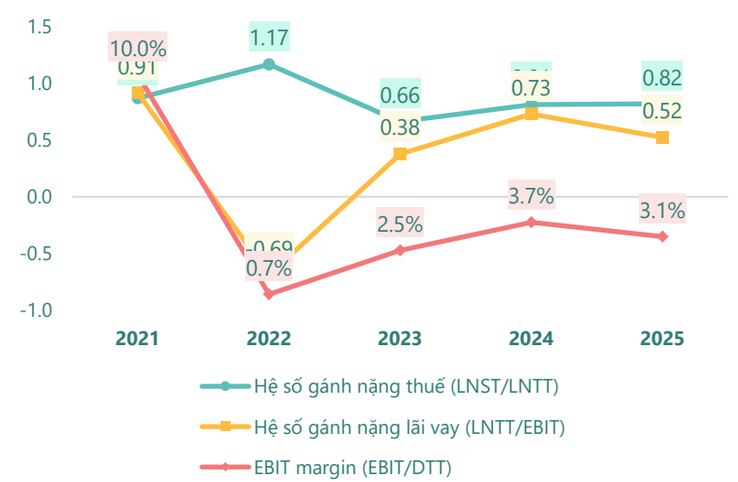
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



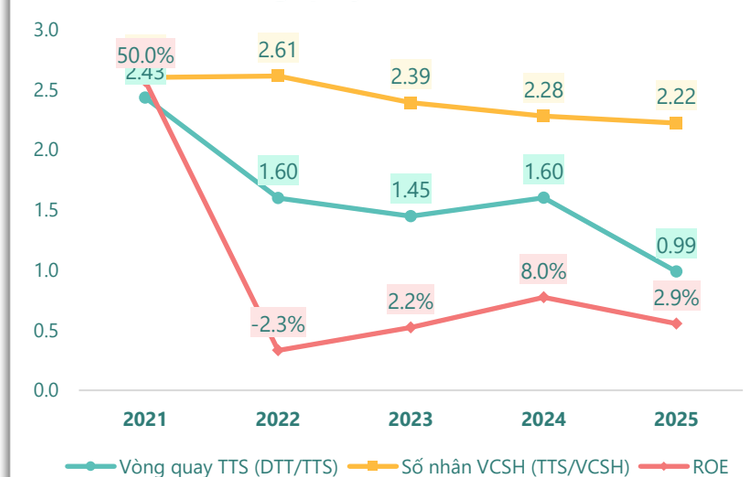
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



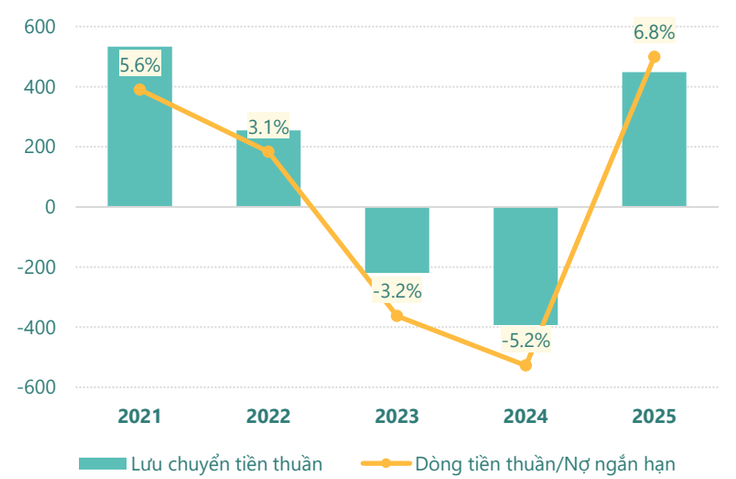
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,136**	**4,469**	**-29.8%**	**14,808**	**20,609**	**-28.1%**
Giá vốn hàng bán	3,065	4,168	-26.5%	14,023	18,777	-25.3%
Lợi nhuận gộp	71.8	301	-76.1%	785	1,832	-57.1%
Doanh thu HĐTC	54.9	102	-46.1%	214	341	-37.1%
Chi phí TC	45.6	168	-72.9%	318	477	-33.4%
Chi phí lãi vay	48.7	67.4	-27.8%	220	208	5.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	76.1	192	-60.4%	431	1,018	-57.6%
Chi phí QLDN	**32.4**	**27.0**	**20.0%**	**124**	**120**	**2.9%**
LN thuần từ HĐKD	-27.3	15.6	-275%	127	557	-77.3%
Lợi nhuận khác	**15.9**	**0.06**	**26428%**	**114**	**0.72**	**15812%**
LN trước thuế	-11.4	15.6	-173%	241	558	-56.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-9.34**	**18.4**	**-151%**	**197**	**453**	**-56.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-9.32**	**18.4**	**-151%**	**197**	**453**	**-56.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-981	199	434	-62.8	162	794
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-274	-563	-535	-1,821	-441	-231
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,296	216	997	1,119	105	-71.4
Tiền đầu kỳ	499	540	392	1,287	523	348
Lưu chuyển tiền thuần	**41.3**	**-148**	**896**	**-765**	**-174**	**492**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	-0.54	-0.03	0.22	-0.33	-0.79
Tiền cuối kỳ	540	392	1,287	523	348	839

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**16,494**	**13,519**	**22.0%**
Tài sản ngắn hạn	9,703	10,202	-4.9%
Tiền và tương đương tiền	839	392	114%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	835	247	238%
Phải thu ngắn hạn	1,423	1,943	-26.7%
Hàng tồn kho	5,303	6,690	-20.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1,303	930	40.1%
Tài sản dài hạn	**6,791**	**3,317**	**105%**
Phải thu dài hạn	1.34	1.34	0.0%
Tài sản cố định	1,805	2,021	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,443	286	1455%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.65	525	-99.9%
Tài sản dài hạn khác	**541**	**484**	**11.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,858	7,648	15.8%
Nợ ngắn hạn	**6,568**	**7,621**	**-13.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,601	6,312	-27.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,470	856	71.8%
Nợ dài hạn	2,290	26.8	8448%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,266	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,635**	**5,871**	**30.0%**
Vốn chủ sở hữu	**7,635**	**5,871**	**30.0%**
Vốn điều lệ	4,476	3,159	41.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)